CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Tháng 09/2026

Tăng trưởng mạnh trước áp lực lạm phát

Quý III là quý tăng trưởng mạnh nhất trong năm

GDP tăng 9.95% so với cùng kỳ năm trước trong quý III/2026, sau mức 8.81% của quý II và 8.15% của quý I, đưa tăng trưởng chín tháng lên 9.01% so với mức 7.80% của cùng kỳ năm trước. Mức tăng chín tháng năm 2026 là mức cao thứ hai trong năm năm, chỉ sau năm 2022 khi nền so sánh thấp sau đại dịch đẩy con số này lên cao. Có 12 trong 34 địa phương tăng từ 10% trở lên, dẫn đầu là Quảng Ninh với 12.54%, nhưng Hà Nội với 8.85% và Thành phố Hồ Chí Minh với 9.06% đều thấp hơn mục tiêu trên 10% của cả nước.

Công nghiệp và xây dựng dẫn dắt tăng trưởng quý III với 12.50%, trên dịch vụ 9.54%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 7.52% và nông, lâm nghiệp và thủy sản 4.21%. Trong chín tháng, công nghiệp và xây dựng đóng góp 49.62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế và dịch vụ đóng góp 45.03%, nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 5.35%. Về cơ cấu, dịch vụ chiếm 42.11% GDP, công nghiệp và xây dựng 39.48%, nông, lâm nghiệp và thủy sản 10.70% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 7.71%.

Lạm phát vượt 5% do giá nhiên liệu và học phí

CPI tháng 9 tăng 5.08% so với cùng kỳ năm trước và 0.62% so với tháng trước, mức cao nhất của tháng Chín trong nhiều năm. Nhóm giao thông tăng 11.67% với giá nhiên liệu tăng 23.96%, trong khi nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6.47%. Mức bình quân chín tháng 4.52% cao hơn mục tiêu khoảng 4.5% tại Nghị quyết 01/NQ-CP và cao hơn nhiều mức 3.27% của cùng kỳ năm 2025. Lạm phát cơ bản bình quân 4.26%.

Giá dầu thế giới có thời điểm vượt 100 USD một thùng trong tháng 9 nhưng đóng cửa tháng dưới mức này. Sang tháng 10, giá dầu duy trì trên 100 USD một thùng, cho thấy đóng góp của nhóm giao thông vào CPI sẽ lớn hơn và áp lực lạm phát sẽ tăng thêm trong tháng tới.

Sản xuất vẫn mở rộng nhưng đơn hàng xuất khẩu đang đảo chiều

Chỉ số PMI giảm còn 51.9 trong tháng 9 từ mức 53.3 của tháng 8. Đây là tháng thứ mười lăm liên tiếp điều kiện kinh doanh cải thiện, nhưng với tốc độ chậm hơn. Đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 4 và việc làm giảm tháng thứ hai, trong khi chi phí đầu vào tăng do nhiên liệu và cước vận tải, còn tốc độ tăng giá đầu ra chậm lại tháng thứ năm.

Dù vậy, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 16.65% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 9 và 3.26% so với tháng trước, quý III ước tăng 14.8% và lũy kế chín tháng tăng 12.33%, mức chín tháng cao nhất trong nhiều năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12.9%. Sản xuất kim loại và sản xuất xe có động cơ dẫn dắt ngành: chỉ số sản xuất kim loại tăng 21.8% trong tháng 9 và 25.5% trong chín tháng, còn sản xuất xe có động cơ tăng lần lượt 15.5% và 15.3%.

Cán cân thương mại xuất siêu trở lại nhưng chín tháng vẫn nhập siêu

Xuất khẩu tháng 9 đạt 59.48 tỷ USD và nhập khẩu 58.21 tỷ USD, tạo mức xuất siêu 1.27 tỷ USD. Đây là lần xuất siêu đầu tiên sau chín tháng nhập siêu liên tiếp. Xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng hơn gấp đôi trong tháng 9, đạt 22.56 tỷ USD.

Tổng kim ngạch chín tháng đạt 888.02 tỷ USD, tăng 30.4%, với xuất khẩu tăng 24.5% và nhập khẩu tăng 36.7%, nhưng cán cân nhập siêu 19.42 tỷ USD so với mức xuất siêu 16.87 tỷ USD của cùng kỳ năm trước; khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 34.28 tỷ USD trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài kể cả dầu thô xuất siêu 14.86 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đạt 50.36 tỷ USD, tăng 76.4%, và tăng trưởng tín dụng đạt 11.59% tính từ đầu năm.

Cập nhật kinh tế vĩ mô - 09/2026

	09/26	08/26	07/26	06/26	05/26	04/26	03/26	02/26	01/26	12/25	11/25	10/25	09/25
CPI (YoY)	5.08%	4.89%	4.45%	4.69%	5.60%	5.46%	4.65%	3.35%	2.53%	3.48%	3.58%	3.25%	3.38%
CPI (MoM)	0.62%	0.47%	-0.12%	-0.39%	0.29%	0.84%	1.23%	1.14%	0.05%	0.19%	0.45%	0.20%	0.42%
PMI	51.9	53.3	52.9	51.8	52.8	50.5	51.2	54.3	52.5	53	53.8	54.5	50.4
IIP (YoY)	16.65%	13.50%	15.36%	12.87%	8.79%	9.30%	7.20%	1.00%	19.40%	10.10%	10.80%	10.80%	12.70%
IIP (MoM)	3.26%	1.50%	1.18%	3.53%	3.27%	3.00%	18.80%	-18.40%	0.20%	2.20%	2.30%	2.40%	0.10%
Doanh số bán lẻ (YoY)	14.12%	14.95%	14.48%	14.80%	11.83%	12.10%	12.10%	8.50%	8.20%	9.80%	7.10%	7.20%	11.30%
Xuất khẩu (Tỷ USD)	59.48	54.78	53.6	50.72	47	45.72	46.52	33.19	43.3	44.05	39.95	42.11	42.88
Nhập khẩu (Tỷ USD)	58.21	55.12	57.01	53.65	52.41	50.48	47.38	34.22	45.24	44.69	38.7	39.63	39.91
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	1.27	-0.34	-3.41	-2.93	-5.42	-4.77	-0.87	-1.03	-1.94	-0.64	1.25	2.49	2.97
Vốn FDI thực hiện (YTD, Tỷ USD)	21.07	17.25	15.2	13.03	9.75	7.4	5.41	3.21	1.68	27.62	23.6	21.3	18.8
Vốn FDI đăng ký (YTD, Tỷ USD)	50.36	40.63	38.06	34.65	24.81	18.73	15.2	6.03	2.58	38.42	33.69	31.52	28.54
Vốn đầu tư từ NSNN (nghìn tỷ VND)	113.91	105.27	97.7	85.18	67.37	56.84	48.24	38.89	44.64	111.54	100.21	90.28	87.56
Tăng trưởng tín dụng (YTD)	11.59%	10.24%	8.97%	8.37%	5.96%	4.59%	3.18%	1.33%	1.19%	19.07%	16.85%	15.31%	13.86%
Tăng trưởng tiền gửi dân cư (YTD)	9.78%	6.84%	5.20%	4.99%	2.73%	1.92%	0.98%	1.01%	0.69%	8.54%	5.71%	4.54%	11.53%
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng	6.95%	1.19%	5.72%	12.49%	6.97%	3.88%	9.57%	4.70%	5.09%	1.77%	5.40%	4.45%	4.38%
Lãi suất tiền gửi 12T bình quân NHTMNN	5.90%	5.90%	5.90%	5.90%	5.90%	5.90%	5.90%	5.20%	5.20%	5.20%	4.68%	4.68%	4.68%
Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm	4.47%	4.45%	4.41%	4.40%	4.32%	4.23%	4.21%	4.12%	4.06%	4.03%	3.89%	3.82%	3.62%
Tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do	25,890	25,860	26,250	26,720	26,400	26,700	27,920	26,680	26,450	26,750	27,650	27,760	26,490

Nguồn: GSO, SBV, FiinPro-X, Shinhan Securities Vietnam

Tăng trưởng kinh tế – Sản xuất

Tăng trưởng GDP đạt 9.95% so với cùng kỳ năm trước trong quý III/2026, cao hơn mức 8.81% của quý II và 8.15% của quý I. Trong chín tháng đầu năm, GDP tăng 9.01% so với cùng kỳ năm trước, so với mức 7.80% của cùng kỳ năm 2025, là mức chín tháng cao nhất kể từ năm 2022 khi mức 9.44% phản ánh nền so sánh thấp sau đại dịch. Có 12 trong 34 địa phương đạt mức tăng từ 10% trở lên, dẫn đầu là Quảng Ninh 12.54%. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt tăng 8.85% và 9.06%, tạo áp lực lên mục tiêu tăng trưởng trên 10% của cả nước trong năm 2026.

Tăng trưởng GDP theo quý (YoY)

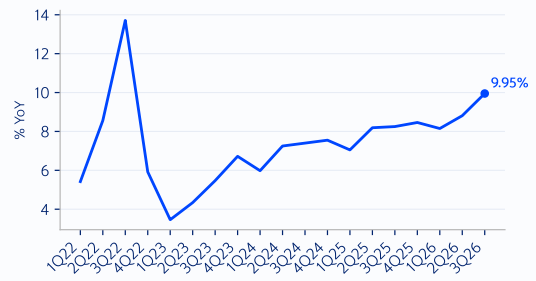

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Tăng trưởng GDP 9 tháng qua các năm

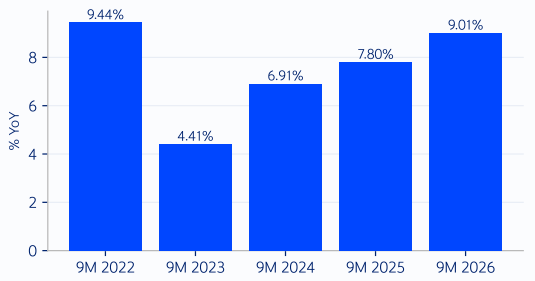

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Công nghiệp và xây dựng dẫn đầu quý III với 12.50% so với cùng kỳ năm trước, tiếp theo là dịch vụ 9.54%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 7.52% và nông, lâm nghiệp và thủy sản 4.21%. Trong chín tháng, công nghiệp và xây dựng tăng 11.21% và đóng góp 49.62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; dịch vụ tăng 8.69% và đóng góp 45.03%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4.02% và đóng góp 5.35%. Về cơ cấu, dịch vụ chiếm 42.11% GDP, công nghiệp và xây dựng 39.48%, nông, lâm nghiệp và thủy sản 10.70% và thuế sản phẩm 7.71%.

Tăng trưởng GDP theo nhóm ngành (YoY)

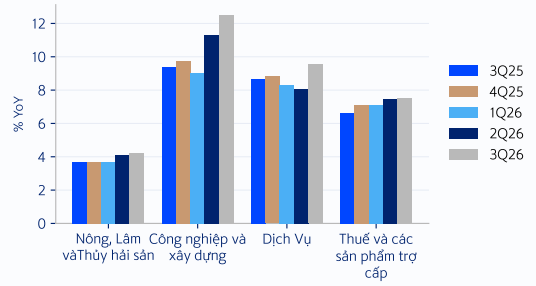

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Tỷ trọng GDP (%) theo nhóm ngành Q3 2026

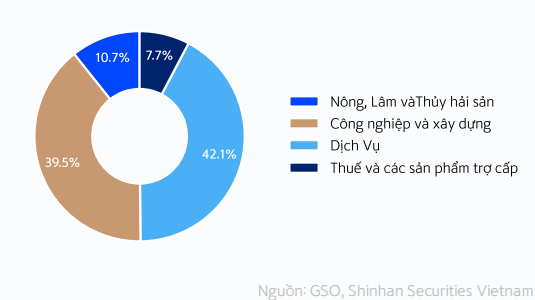

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 16.65% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 9 và 3.26% so với tháng trước. Sản xuất công nghiệp ước tăng 14.8% trong quý III và 12.33% trong chín tháng, mức chín tháng cao nhất trong nhiều năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12.9%. Chỉ số tăng ở cả 34 địa phương và tăng trên 13.0% tại 15 địa phương. Thành phố Hồ Chí Minh 10.9% và Hà Nội 9.0% vẫn thấp hơn mục tiêu cả năm 12–14% tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-CP.

Chỉ số PMI giảm còn 51.9 trong tháng 9 từ mức 53.3 của tháng 8. Đây là tháng thứ mười lăm liên tiếp điều kiện kinh doanh cải thiện, nhưng với tốc độ chậm hơn. Sản lượng và đơn đặt hàng mới tăng chậm lại, đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 4, và việc làm cũng giảm tháng thứ hai. Chi phí đầu vào tăng do nhiên liệu và cước vận tải, trong khi tốc độ tăng giá đầu ra chậm lại tháng thứ năm, xuống mức yếu nhất kể từ tháng 6/2025. Một tín hiệu tích cực là tâm lý kinh doanh đạt mức cao nhất kể từ tháng 2.

Chỉ số Sản xuất Công nghiệp (IIP)

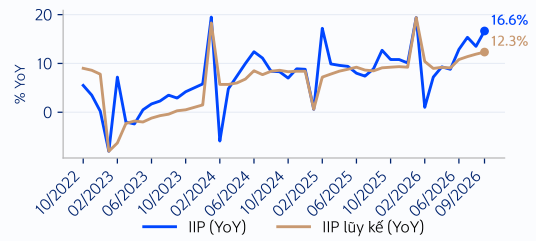

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)

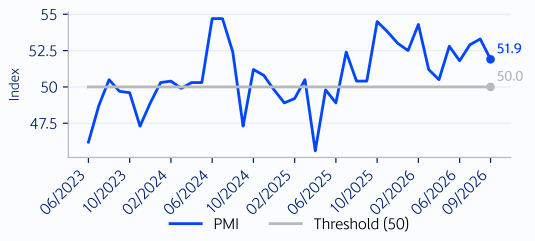

Nguồn: S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

Lạm phát

CPI tổng thể tăng 5.08% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 9 trong khi lạm phát cơ bản tăng 4.45%, mức chênh lệch lớn nhất trong năm, phản ánh giá nhiên liệu, gas và thực phẩm tươi sống nằm ngoài rổ tính lạm phát cơ bản. Bình quân chín tháng, CPI tăng 4.52% so với 3.27% cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tăng 4.26%, cao hơn mục tiêu khoảng 4.5% tại Nghị quyết 01/NQ-CP. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống đóng góp 1.59 điểm phần trăm vào mức tăng tháng 9, nhà ở và vật liệu xây dựng 1.47 điểm và giao thông 1.16 điểm.

Lạm phát cơ bản và lạm phát chung (YoY)

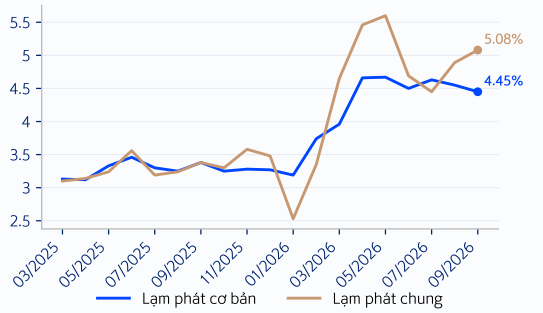

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Đóng góp CPI theo nhóm hàng chính

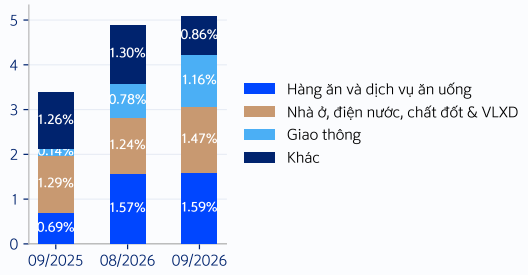

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Cả mười một nhóm hàng tiêu dùng đều tăng so với cùng kỳ năm trước trong tháng 9. Nhóm giao thông dẫn đầu với 11.67%, trong đó giá nhiên liệu tăng 23.96%. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6.47%, với dầu hỏa tăng 42.31% và gas cùng các loại chất đốt khác tăng 35.02%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5.82% theo giá vàng, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4.44%.

CPI YoY hàng tháng theo nhóm hàng

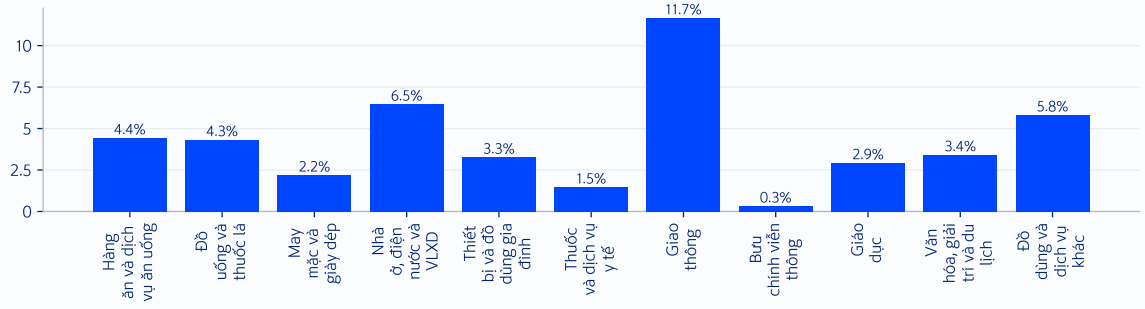

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

CPI tăng 0.62% so với tháng trước, với chín trong mười một nhóm tăng giá. Nhóm giao thông tăng 3.97% khi giá xăng tăng 9.39% và dầu diesel tăng 4.53%, đóng góp 0.40 điểm phần trăm. Nhóm giáo dục tăng 1.41% khi các trường tư thục điều chỉnh học phí năm học 2026-2027. Nhóm nhà ở tăng 0.28% do dầu hỏa tăng 2.19% và gas tăng 1.35%. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0.28% và nhóm thông tin và truyền thông giảm 0.14%; giá thịt lợn giảm 0.96% và giá vé máy bay giảm 9.95%.

CPI MoM hàng tháng theo nhóm hàng

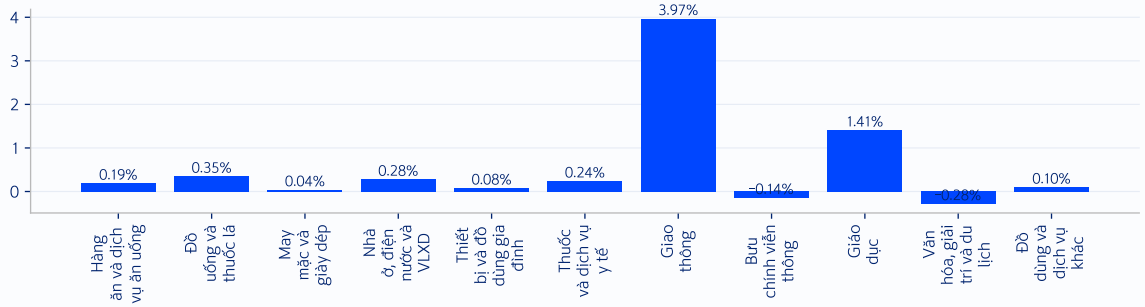

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Thương mại – Bán lẻ – Đầu tư

Tổng mức bán lẻ tăng 1.66% so với tháng trước và 14.12% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý III đạt 2,039.0 nghìn tỷ đồng, tăng 14.5% so với cùng kỳ năm trước, và chín tháng đạt 5,925.7 nghìn tỷ đồng, tăng 13.4%, hay 7.8% nếu loại trừ yếu tố giá. Khách quốc tế đạt 1.77 triệu lượt trong tháng 9, tăng 16.1% so với cùng kỳ, đưa tổng chín tháng lên 17.7 triệu lượt, tăng 14.5% và đạt khoảng 71% mục tiêu 25 triệu lượt của cả năm.

Tăng trưởng bán lẻ (MoM & YoY)

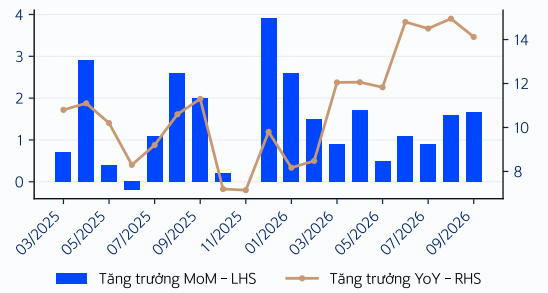

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Khách quốc tế đến Việt Nam theo tháng (người)

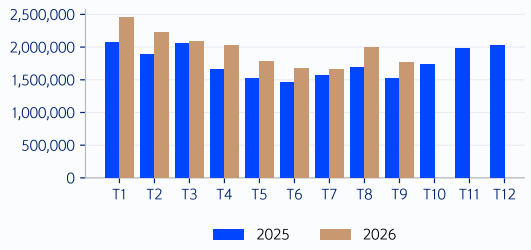

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Xuất khẩu tháng 9 đạt 59.48 tỷ USD và nhập khẩu 58.21 tỷ USD, tạo mức xuất siêu 1.27 tỷ USD. Đây là lần xuất siêu đầu tiên sau chín tháng nhập siêu liên tiếp. Tổng kim ngạch chín tháng đạt 888.02 tỷ USD, tăng 30.4% so với cùng kỳ năm trước, với xuất khẩu tăng 24.5% và nhập khẩu tăng 36.7%, nhưng cán cân chín tháng nhập siêu 19.42 tỷ USD so với mức xuất siêu 16.87 tỷ USD của cùng kỳ, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 34.28 tỷ USD còn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 14.86 tỷ USD. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với 140.37 tỷ USD và Trung Quốc là nguồn nhập khẩu lớn nhất với 186.77 tỷ USD.

Xuất nhập khẩu theo thị trường (tỷ USD)

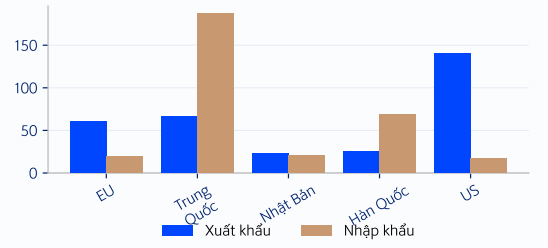

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Cán cân thương mại

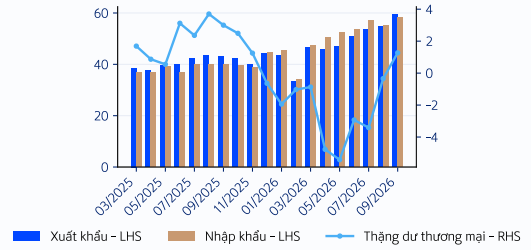

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Đầu tư công đạt 113.91 nghìn tỷ đồng trong tháng 9, tăng 30.1% so với cùng kỳ năm trước, đưa lũy kế chín tháng lên 658.04 nghìn tỷ đồng từ mức 540.28 nghìn tỷ đồng của cùng kỳ. Cục Thống kê cho biết vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước tăng 19.0% so với cùng kỳ trong chín tháng, đạt gần 60% kế hoạch năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 3,109.6 nghìn tỷ đồng, tăng 15.1%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đạt 50.36 tỷ USD tính đến ngày 30/9, tăng 76.4% so với cùng kỳ, trong đó vốn đăng ký mới đạt 29.24 tỷ USD; vốn thực hiện đạt 21.07 tỷ USD, tăng 12.1%.

Đầu tư công theo tháng và lũy kế

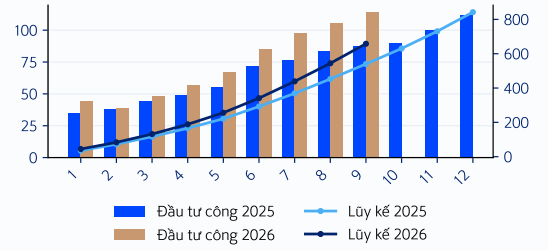

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

FDI lũy kế (giải ngân & đăng ký)

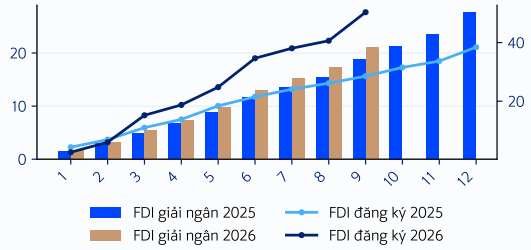

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Thị trường tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước hút ròng 86,781 tỷ đồng qua thị trường mở trong tháng 9, giảm số dư bơm ròng từ 142,701 tỷ đồng cuối tháng 8 xuống 55,919 tỷ đồng cuối tháng 9. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm đóng cửa tháng 9 ở mức 6.95% so với 1.19% cuối tháng 8, tuy nhiên mức cuối tháng diễn ra sau cú tăng vọt từ 0.56% ngày 29/9 và cao hơn mặt bằng chung của tháng. Lãi suất kỳ hạn giảm trong tháng, với kỳ hạn một tuần ở mức 6.88%, giảm 45 điểm cơ bản, và kỳ hạn ba tháng ở mức 6.63%, giảm 51 điểm cơ bản.

Hoạt động OMO của SBV

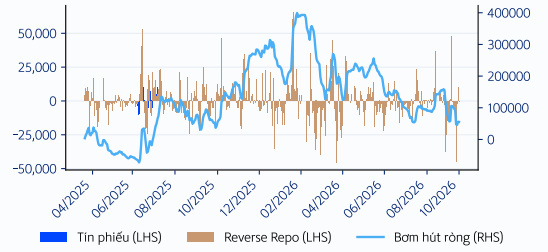

Nguồn: SBV, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất liên ngân hàng

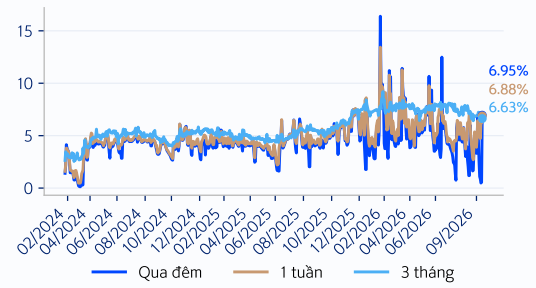

Nguồn: SBV, Shinhan Securities Vietnam

Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do ở mức 25,890 vào ngày 25/9, so với 25,830 một tuần trước đó và 26,750 vào cuối năm 2025, sau khi đạt đỉnh 27,920 trong tháng 3. Trên so sánh khu vực, VND mạnh hơn 1.27% so với USD tính từ đầu năm; KRW tăng 5.76% và CNY tăng 4.04% mạnh hơn, trong khi THB giảm 6.51%, PHP giảm 6.50% và JPY giảm 0.45%.

Biến động tiền tệ khu vực so với USD (2026 YTD)

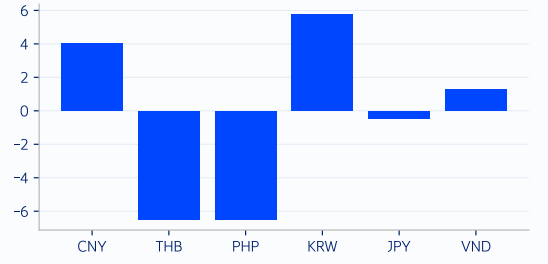

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Tỷ giá USD/VND (thị trường tự do)

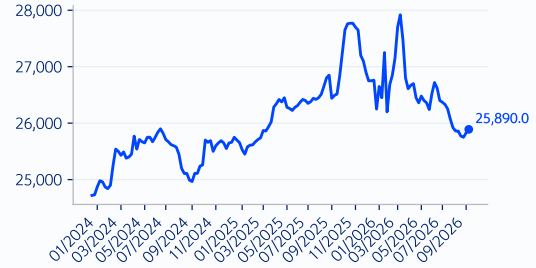

Nguồn: Bloomberg, SBV, Shinhan Securities Vietnam

Chỉ số đồng đô la Mỹ bình quân ở mức 99.5 trong tháng 9, thấp hơn 0.16 điểm so với tháng 8, trong bối cảnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Mỹ thay đổi và lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ giảm. Chỉ số này sau đó hồi phục, đạt 101.8 vào ngày 16/10.

Chỉ số DXY

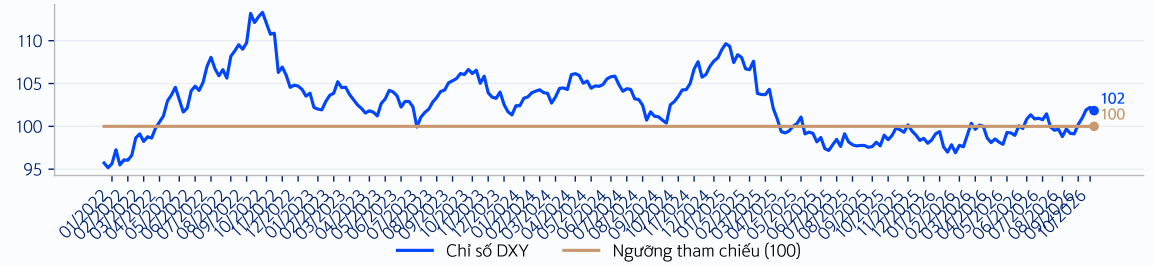

Nguồn: Bloomberg, SBV, Shinhan Securities Vietnam

Thị trường tiền tệ (tiếp theo)

Tăng trưởng tín dụng đạt 11.59% tính từ đầu năm đến cuối tháng 9, thấp hơn mức 13.86% của cùng thời điểm năm 2025; tăng trưởng huy động đạt 9.78%. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm ở mức 4.47% vào cuối tháng 9 và 4.47% vào ngày 16/10, so với lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm ở mức 5.07%, tạo mức chênh lệch khoảng 60 điểm cơ bản.

Tăng trưởng tín dụng theo năm (YTD)

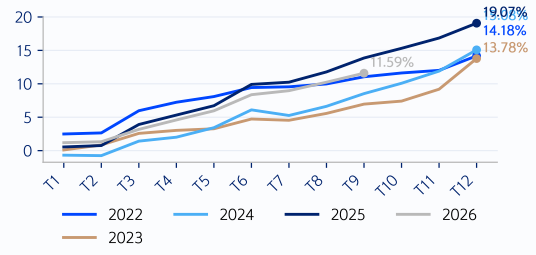

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Lợi suất TPCP 10 năm: Việt Nam so với Mỹ

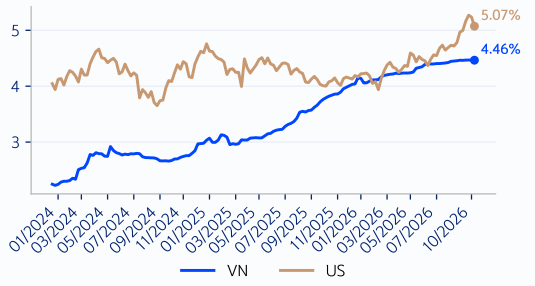

Nguồn: Bloomberg, SBV, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân tại các ngân hàng thương mại nhà nước giữ ở mức 5.90% trong tháng 9, không đổi tháng thứ bảy liên tiếp kể từ tháng 3/2026 và cao hơn mức 4.68% của tháng 10/2025.

Lãi suất huy động tại NHTM nhà nước

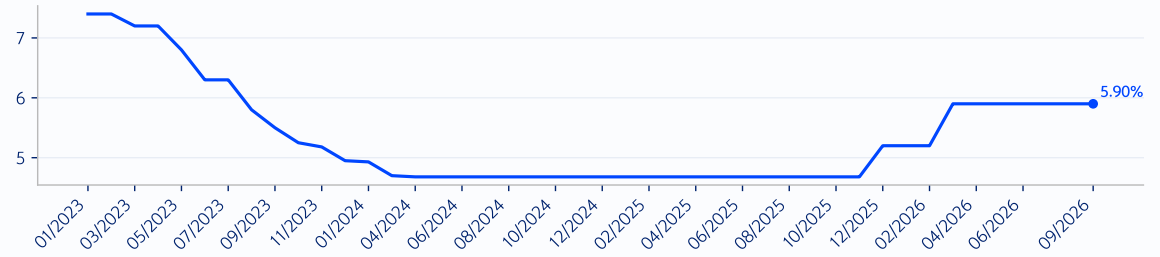

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Trên toàn hệ thống ngân hàng, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-12 tháng bình quân ở mức 7.35% trong tháng 9/2026, trong biên độ 6.60%-8.10%, sau khi dao động trong khoảng 4.20%-8.80% kể từ đầu năm 2022, đạt đỉnh vào đầu năm 2023 trước khi xuống đáy trong năm 2024. Lãi suất cho vay bình quân ở mức 9.65%, trong biên độ 8.40%-10.90%, với diễn biến tương tự. Cả hai đều tăng kể từ cuối năm 2025, với lãi suất tiền gửi bình quân tăng 275 điểm cơ bản so với đáy tháng 7/2024 và lãi suất cho vay bình quân tăng 180 điểm cơ bản so với đáy tháng 11/2024.

Lãi suất huy động và cho vay bình quân

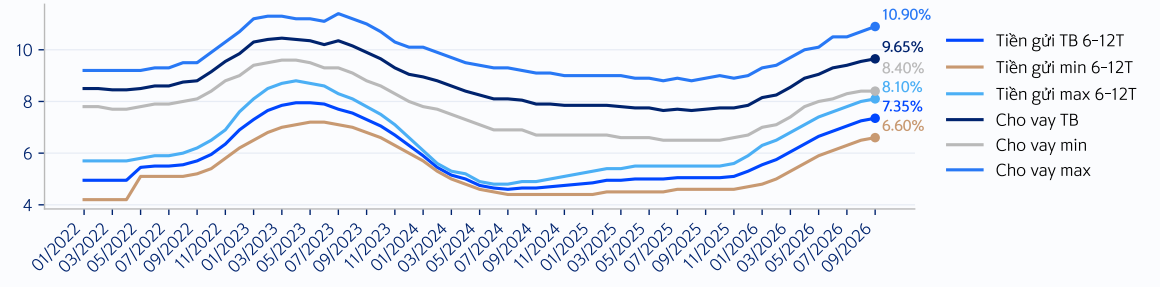

Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Tháng 09/2026

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel: (82-2) 3772-2700, 2702
Fax: (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel: (1-212) 397-4000
Fax: (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West, Kowloon, Hong Kong
Tel: (852) 3713-5333
Fax: (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav. 22-23,
Jakarta, Indonesia
Tel: (62-21) 5140-1133
Fax: (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel: (86-21) 6888-9135/6
Fax: (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang,
Thu Thiem Ward, Thu Duc City, HCM City, Vietnam
Tel: (84-8) 6299-8000
Fax: (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building,
No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel: (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.